TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hải

Ông Thôi Đại Việt

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 168/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày***:

Ông D và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1985 và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông D chung sống với nhau tương đối hạnh phúc. Đến năm 2009, khi gia đình có điều kiện kinh tế khá giả thì do bà L coi trọng đồng

tiền nên đã có thái độ xem thường và xúc phạm đến danh dự của ông D. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và không còn hòa hợp. Mặc dù, ông D cũng đã nói chuyện với bà L nhưng không có kết quả.

Từ năm 2009, vợ chồng sống ly thân và bà L có đến tìm ông D nhưng vẫn nói xấu ông D với hàng xóm. Chính vì vậy mà ông D đã không quay về chung sống với bà L.

Ông D xác định vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau và giữa hai người cũng không còn tình cảm vợ chồng. Do đó, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông D, bà L có 02 người con chung hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- ***Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày***:

Bà L xác nhận về thời gian chung sống, kết hôn như ông D trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, vào năm 2009 ông D lén lút quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian này bà L đã nhiều lần đến tìm và khuyên ông D quay về nhưng ông D không đồng ý. Do đó, lời khai của ông D cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bà L coi trọng đồng tiền là không đúng.

Bà L xác định vẫn còn tình cảm với ông D nên không đồng ý ly hôn đồng thời muốn ông D quay về chung sống với bà L để làm gương cho con cháu. Mặt khác, bà L là người theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn. Trong trường hợp ông D vẫn nhất quyết ly hôn thì đó là quyền của ông D và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà L xác nhận có 02 người con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- ***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và tuyên xử cho ông D được ly hôn với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Văn D cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn vào năm 1985 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của ông D và bà L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông D chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn thì theo ông D là do bà L đã coi trọng đồng tiền nên có thái độ coi thường ông D, còn theo bà L thì mâu thuẫn là do ông D lén lút quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đã tự bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2009 cho đến nay. Mặc dù, lời khai của các đương sự về nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng điều đó cũng thể hiện trong cuộc sống chung giữa ông D và bà L đã có những mâu thuẫn nhất định.

Mặt khác, từ năm 2009 cho đến nay thì cả ông D và bà L mỗi người ở một nơi và không còn chung sống với nhau. Do đó, đủ cơ sở để xác định tình trạng vợ chồng giữa ông D, bà L đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, cho ông D được ly hôn với bà L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông D và bà L có 02 người con chung hiện đã trưởng thành nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Ông D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004688 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành. Như vậy, ông D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- UBND P.9, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.